

NHÓM 2: CHỈ SỐ DỰ PHÒNG LÂY NHIỄM HIV

Danh mục chỉ số nhóm dự phòng lây nhiễm HIV

STT	Tên chỉ số	Tần suất thu thập	Nguồn số liệu
<i>a. Chỉ số ước tính số người nguy cơ cao lây nhiễm HIV</i>			
Chỉ số 2.1	Ước tính số người nguy cơ cao lây nhiễm HIV	Hàng năm	Báo cáo TT03
<i>b. Các chỉ số Xét nghiệm HIV</i>			
Chỉ số 2.2	Số người xét nghiệm HIV trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 2.3	Số người xét nghiệm HIV có kết quả khẳng định dương tính trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
<i>c. Các chỉ số về chương trình Can thiệp giảm hại</i>			
Chỉ số 2.4	Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 2.5	Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone nhiễm HIV	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 2.6	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị MMT lần đầu	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 2.7	Số bệnh nhân điều trị MMT bỏ trị trong kỳ báo cáo	Hàng quý	Báo cáo TT03
Chỉ số 2.8	Số cơ sở điều trị Methadone	Hàng năm	Báo cáo TT03

Chỉ số 2.1: Ước tính số người nguy cơ cao lây nhiễm HIV

Chỉ số 2.1	Ước tính số người nguy cơ cao lây nhiễm HIV	
Mô tả chỉ số	Chỉ số này cho biết ước tính tại thời điểm báo cáo có bao nhiêu người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV trong cộng đồng địa phương	
Mục đích sử dụng	Lập kế hoạch triển khai các hoạt động dự phòng lây nhiễm HIV trong nhóm quần thể nguy cơ cao như: tiếp cận, giảm hại, xét nghiệm	
Nguồn số liệu	Bảng 1 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 3 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Tổng hợp từ báo cáo Thông tư 03	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Nhóm nguy cơ	<ul style="list-style-type: none">– Nghiện chích ma túy– Phụ nữ bán dâm– Nam có quan hệ tình dục với nam– Vợ/bạn tình người nhiễm HIV
Tần suất cập nhật	Hàng năm	
Lưu ý	Ước tính số người nguy cơ cao luôn lớn hơn hoặc bằng số người thuộc nhóm nguy cơ cao <u>đang quản lý</u> tại địa phương theo số liệu từ cơ quan công an hoặc sở lao động, thương binh và xã hội... của địa phương cung cấp.	

Chỉ số 2.2: Số người xét nghiệm HIV trong kỳ báo cáo

Chỉ số 2.2	Số người xét nghiệm HIV trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Thống kê tổng số người được làm xét nghiệm HIV tại tất cả các cơ sở có cung cấp dịch vụ xét nghiệm trên địa bàn tỉnh trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none">– Đánh giá hiệu quả chương trình tư vấn, xét nghiệm HIV và chương trình tiếp cận cộng đồng– Lập kế hoạch cho hoạt động tư vấn và xét nghiệm HIV trên địa bàn	
Cách tính chỉ số	Đếm số người được làm xét nghiệm HIV từ tất cả các cơ sở có thực hiện xét nghiệm HIV trên địa bàn trong kỳ báo cáo	
Nguồn số liệu	Bảng 2 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Tổng hợp số liệu và các thông tin từ báo cáo của tất cả các cơ sở có thực hiện xét nghiệm HIV trên địa bàn	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện Nhóm đối tượng	Từng huyện <ul style="list-style-type: none">– Nghiện chích ma túy– Phụ nữ bán dâm– Nam có quan hệ tình dục với nam– Vợ/chồng/ bạn tình người nhiễm HIV– Nhóm khác
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	<ul style="list-style-type: none">– Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh cần lập danh sách và thu thập báo cáo của tất cả các cơ sở/đơn vị /cơ quan/tổ chức/nhóm cộng đồng trên địa bàn tỉnh có cung cấp dịch vụ xét nghiệm HIV (bao gồm cả xét nghiệm miễn phí và thu phí)– Tại từng cơ sở khi thực hiện tổng hợp thông tin cần đối chiếu loại những trường hợp xét nghiệm lại/ xét nghiệm nhiều lần trong kỳ báo cáo	

Chỉ số 2.3: Số người xét nghiệm HIV có kết quả khẳng định dương tính trong kỳ báo cáo

Chỉ số 2.3	Số người xét nghiệm HIV có kết quả khẳng định dương tính trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Thống kê tổng số người làm xét nghiệm HIV và có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính vào một thời điểm thuộc kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả của hoạt động tư vấn xét nghiệm, hoạt động tiếp cận cộng đồng - Theo dõi diễn biến của dịch trên địa bàn - Đo lường Mục tiêu 90 thứ nhất 	
Cách tính chỉ số	Đếm số người có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính trong kỳ báo cáo	
Nguồn số liệu	Bảng 2 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở có thực hiện xét nghiệm HIV trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyên huyện	Từng huyện
	Nhóm đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiện chích ma túy - Phụ nữ bán dâm - Nam có quan hệ tình dục với nam - Vợ/chồng/ bạn tình người nhiễm HIV - Nhóm khác
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thống kê số người có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV trong kỳ báo cáo - Lưu ý loại trừ các ca trùng lặp giữa các cơ sở/các huyện do một khách hàng có thể xét nghiệm tại nhiều nơi vào cùng thời điểm/thời điểm gần nhau trong cùng 1 kỳ báo cáo. - Đối chiếu số liệu với báo cáo từ cơ sở xét nghiệm khẳng định về số mẫu xét nghiệm có kết quả khẳng định trong kỳ báo cáo 	

Chỉ số 2.4: Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone

Chỉ số 2.4	Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thể hiện tổng số bệnh nhân đang được điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone tại thời điểm báo cáo	
Mục đích sử dụng	Chỉ số này giúp đánh giá độ bao phủ của chương trình điều trị Methadone trên nhóm đối tượng nghiện chích ma túy.	
Cách tính chỉ số	Đếm tổng số bệnh nhân có hồ sơ quản lý tại cơ sở điều trị và hiện tại đang duy trì điều trị Methadone, kể cả những bệnh nhân bỏ lượt uống nhưng bác sĩ chưa có quyết định ra khỏi chương trình và các bệnh nhân nhận thuốc tại cơ sở cấp phát thuốc	
Nguồn số liệu	Chỉ số 1, Bảng 3 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn và tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Giới tính	Nam, nữ
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	Không tính những bệnh nhân đến uống thuốc tạm thời (không có hồ sơ quản lý tại cơ sở điều trị)	

Chỉ số 2.5: Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone nhiễm HIV

Chỉ số 2.5	Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone nhiễm HIV	
Mô tả chỉ số	Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone tại cơ sở có kết quả xét nghiệm khẳng định HIV dương tính (không quan tâm tới thời điểm nhận kết quả xét nghiệm dương tính trước hay sau khi tham gia chương trình Methadone) tại thời điểm báo cáo	
Mục đích sử dụng	Theo dõi tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm bệnh nhân tham gia chương trình điều trị Methadone để lập kế hoạch chương trình	
Cách tính chỉ số	Đếm số bệnh nhân có kết quả HIV (+) tại cột 5 trong Sổ theo dõi bệnh lý kèm theo	
Nguồn số liệu và cách thu thập	Chỉ số 1.2, Bảng 3 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
	Giới tính	Nam, nữ
Tần suất cập nhật	Hàng quý	

Chỉ số 2.6: Số bệnh nhân bắt đầu điều trị MMT lần đầu trong kỳ báo cáo

Chỉ số 2.6	Số bệnh nhân bắt đầu điều trị MMT lần đầu trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Chỉ số này thống kê số bệnh nhân bắt đầu được khởi liệu điều trị MMT lần đầu tiên trong kỳ báo cáo này.	
Mục đích sử dụng	Chỉ số được sử dụng để đánh giá và so sánh số lượng bệnh nhân mới tham gia chương trình bệnh nhân MMT qua các giai đoạn khác nhau	
Cách tính chỉ số	Đếm số người được khởi liệu điều trị MMT lần đầu tiên trong kỳ báo cáo	
Nguồn số liệu	Sổ theo dõi điều trị Methadone	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất cập nhật	Hàng quý	
Lưu ý	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ tính những bệnh nhân chưa bao giờ tham gia chương trình MMT trước đó tại bất kỳ cơ sở nào và đăng ký tham gia chương trình lần đầu trong kỳ báo cáo này.- Không tính những bệnh nhân đã từng bỏ trị và quay lại điều trị trong kỳ báo cáo này	

Chỉ số 2.7: Số bệnh nhân điều trị MMT bỏ trị trong kỳ báo cáo

Chỉ số 2.7	Số bệnh nhân điều trị MMT bỏ trị trong kỳ báo cáo	
Mô tả chỉ số	Chỉ số thống kê số bệnh nhân đã tham gia chương trình điều trị MMT tại một cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nhưng đã bỏ trị vì bất kỳ lý do nào trong kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	- Theo dõi và đánh giá sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân MMT	
Cách tính chỉ số	Đếm số bệnh nhân bỏ trị trong kỳ báo cáo tính bằng tổng số bệnh nhân ra khỏi chương trình trong kỳ báo cáo với các lý do: Tự nguyện ra khỏi chương trình; Bị bắt giam; Đi trung tâm 06, Chuyển chỗ ở, Không rõ lý do hoặc Lý do khác	
Nguồn số liệu	Chỉ số 4, Bảng 3 của Báo cáo quý công tác phòng, chống HIV tuyến huyện (Phụ lục 2 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thu thập báo cáo của từng cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn rồi tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh từ báo cáo của các cơ sở	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất cập nhật	Hàng quý	

Chỉ số 2.8: Số cơ sở điều trị Methadone

Chỉ số 2.8	Số cơ sở điều trị Methadone	
Mô tả chỉ số	Thống kê tổng số cơ sở thực hiện điều trị thay thế các chất gây nghiện dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (MMT) trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo	
Mục đích sử dụng	Đánh giá mức độ bao phủ của chương trình MMT	
Cách tính chỉ số	Số cơ sở điều trị MMT bằng tổng số cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo Cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (gọi tắt là cơ sở điều trị) là đơn vị điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone cho người nghiện chất dạng thuốc phiện, bao gồm cả việc cấp phát thuốc Methadone	
Nguồn số liệu	Chỉ số 3, Bảng 4 của Báo cáo năm công tác phòng, chống HIV tuyến tỉnh (Phụ lục 5 của Thông tư 03)	
Phương pháp tổng hợp	Thống kê toàn bộ số cơ sở MMT trên địa bàn tỉnh, huyện, xã tính đến cuối kỳ báo cáo	
Phân nhóm chỉ số	Phân nhóm	Cách thức phân nhóm
	Tuyến huyện	Từng huyện
Tần suất báo cáo	Hàng năm	